

Số: 459/TB-VSR

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2026

V/v Báo giá hàng hóa y tế dự phòng

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, sử dụng làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ y tế dự phòng với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
 - Thông tin liên hệ, tiếp nhận báo giá: Nguyễn Thị Mai Hương, Phòng kế hoạch tổng hợp; Số điện thoại: 0977703659;
 - Cách tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện bản cứng (có chữ ký, đóng dấu hợp pháp). Tại địa chỉ: Văn thư, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Số 34, đường Trung Văn, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội.
 - Đồng thời gửi qua địa chỉ mail: Maihuongnimpe@gmail.com.
 - Thời gian tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể ngày 15 tháng 5 năm 2026 đến ngày 25 tháng 5 năm 2026.
- Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày ký báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Hồ sơ báo giá hợp lệ: Báo giá phải có đầy đủ thông tin đơn vị báo giá, ngày, tháng, năm ký phát hành báo giá và thời gian hiệu lực của báo giá, đồng thời phải có ký xác nhận và đóng dấu theo quy định.
- Báo giá đã bao gồm thuế, phí giao hàng đến Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương. Đơn vị báo giá thực hiện báo giá hàng hóa theo Mẫu báo giá tại **Phụ lục 01** kèm theo.
- Danh mục hàng hóa: **Phụ lục 2** kèm theo.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương;
Địa chỉ: Số 34, đường Trung Văn, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Viện, Bệnh viện (để công khai);
- Trang <https://muasamcong.mpi.gov.vn>.
- Lưu: VT, KHTH.


VIỆN TRƯỞNG
VIỆN SÓT RÉT
KÝ SINH TRÙNG
CÔN TRÙNG
TRUNG ƯƠNG
Hoàng Đình Cảnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 459/TB-VSR ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Viện trưởng Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương)

Mẫu báo giá:

Tên đơn vị báo giá.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Số điện thoại liên hệ:....

Email:.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương.
Địa chỉ: 34 Trung Văn - P. Đại Mỗ- Hà Nội.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương tại Thông báo số /TB-VSR ngày....tháng....năm 2026, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; báo giá cho hàng hóa như sau:

1. Báo giá chi tiết hàng hóa:

T T	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại của hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Thông số kỹ thuật	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (đã bao gồm VAT và các chi phí khác)	Thành tiền (VNĐ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11	12= 10*11
1												
2												
...												
..												
	Tổng											

Khuyến khích: Đơn vị báo giá gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tiêu chuẩn kỹ thuật, căn cứ đề xuất giá chào và các tài liệu liên quan khác của hàng hóa như: Kết quả trúng thầu mặt hàng tương tự theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong vòng 12 tháng trước thời điểm báo giá; hợp đồng trúng thầu hoặc tờ khai hải quan có giá hàng hóa....

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày ... tháng năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh

doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp^(*)

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG HÓA

(Kèm theo Thông báo số 459 /TB-VSR ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Viện trưởng
Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương)

STT	Tên vật tư hóa chất	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hóa chất, sinh phẩm		
1	Bộ sinh phẩm tách chiết ADN bằng cột lọc	Phản ứng	01
2	Hỗn hợp gồm 4 môi (M1-OF, M1-OR, M2-OF, M2-OR), 1,25 mM	μL	01
3	Hỗn hợp 2 môi (G-OF và G-OR), 1,25 mM	μL	01
4	4 môi đơn nồng độ 10μM	μL	01
5	Môi xuôi CSFQ-F 10 μM	μL	01
6	Môi ngược CSFQ-R 10 μM	μL	01
7	Môi/Primer (2 môi)	nmole	01
8	Hot start Taq DNA polymerase (5 đơn vị/1μL)	Đơn vị	01
9	Test nhanh giun chỉ	Cái	01
10	Đệm mẫu	mL	01
11	Dung dịch khử ion	mL	01
12	Đệm điện di	mL	01
13	Thang chuẩn protein	μL	01
14	Bản gel đồ sẵn	Tấm	01
15	Khối chuyển thám	Miếng	01
16	Thẻ lai	Tấm	01
17	Bộ dung dịch rửa và phong bế	mL	01
18	Bộ kit phát hiện protein trên màng	mL	01
19	Bộ Kit Khuếch Đại PCR	Phản ứng	01
20	Dung dịch PCR master mix	μL	01
21	PCR Master Mix (2X)	μL	01
22	2X multiplex PCR Smart mix	μL	01
23	Primer mixture	μL	01
24	Môi trường Lowenstein-Jensen	Ống	01
25	Môi trường Bird Seed Agar	g	500
26	Môi trường Potatose Dextrose Agar	g	500
27	Môi trường Cycloserine Cefoxitin Fructose Agar	g	500
28	Chủng chuẩn M. tuberculosis H37Rv	Chủng	01
29	Chủng chuẩn M. terrae	Chủng	01
30	Chủng chuẩn Cryptococcus neoformans ATCC 14116	Chủng	01
31	Chủng chuẩn Aspergillus fumigatus ATCC 204305	Chủng	01
32	Chủng chuẩn Trichophyton spp	Chủng	01
33	Nha bào của vi khuẩn C. difficile ATCC 9689	ml	01
34	Bộ kit tinh sạch sản phẩm PCR	Phản ứng	01

35	Hạt từ gắn kháng thể	μL	01
36	Mẫu kháng nguyên ký sinh trùng đích	μL	01
37	Đệm phản ứng	μL	01
38	Đệm rửa	μL	01
39	Hóa chất phát hiện	μL	01
40	Dung dịch kích hoạt enzyme	μL	01
41	Dung dịch chạy máy Sheath fluid	μL	01
42	dNTPs 2,0 mM	μL	01
43	Môi PLU5 (1,25 mM)	μL	01
44	Môi PLU6 (1,25 mM)	μL	01
45	Môi FAL1 (1,25 mM)	μL	01
46	Môi FAL2 (1,25 mM)	μL	01
47	Môi VIV1 (1,25 mM)	μL	01
48	Môi VIV2 (1,25 mM)	μL	01
49	Môi MAL1 (1,25 mM)	μL	01
50	Môi MAL2 (1,25 mM)	μL	01
51	Môi OVA1 (1,25 mM)	μL	01
52	Môi OVA2 (1,25 mM)	μL	01
53	Kit tách chiết ADN (từ mô)	Test	01
54	Sinh phẩm tách ADN bằng cột lọc (từ mẫu mô từ con trường thành, hoặc từ mẫu phân)	Phản ứng	01
55	Đầu dò/Probe (1 probe) BHQ hoặc MGB 10 μM	$\mu\text{L}/\text{nmole}$	01
56	Môi xuôi M1-2KF, 1,25 mM	μL	01
57	Môi ngược M1-2KR, 1,25 mM	μL	01
58	Môi xuôi M1-2MF, 1,25 mM	μL	01
59	Môi ngược M1-2MR, 1,25 mM	μL	01
60	Môi xuôi M1-2RF, 1,25 mM	μL	01
61	Môi ngược M1-2RR, 1,25 mM	μL	01
62	Môi xuôi M2-FCF, 1,25 mM	μL	01
63	Môi ngược M2-FCR, 1,25 mM	μL	01
64	Môi xuôi M2-ICF, 1,25 mM	μL	01
65	Môi ngược M2-ICR, 1,25 mM	μL	01
66	Môi xuôi G-FN, 1,25 mM	μL	01
67	Môi ngược G-OR, 1,25 mM	μL	01
68	TBE 10X	mL	01
69	Ethidium bromide 10 mg/mL	μL	01
70	Thang chuẩn ADN 100bp	μL	01
71	Môi UNR (25 mM)	μL	01
72	Kit tách chiết ADN	Phản ứng	01
73	Cồn tuyệt đối	mL	01
74	PCR Master Mix 2X	μL	01
75	Môi đơn SS- F (10 μM)	μL	01
76	Môi đơn SS - R (10 μM)	μL	01
77	Nước khử ion	μL	01
78	Đệm TBE 0.05X	mL	01
79	Hóa chất nhuộm gel redsafe	μL	01
80	Thang chuẩn ADN 100bp	μL	01

81	PCR buffers 10X (MgCl ₂ 15mM)	μL	01
82	dNTPs (10mM)	μL	01
83	Môi NC1- F (10μM)	μL	01
84	Môi NC2- R (10μM)	μL	01
85	Hot star Taq (5U/μM)	μL	01
86	Đệm TBE 0,5X	mL	01
87	Môi đơn SB4 – 4F (10μM)	μL	01
88	Môi đơn SB4 – 4R (10μM)	μL	01
89	Môi xuôi 12S -60F (10μM)	μL	01
90	Môi ngược 12S -375R (10μM)	μL	01
91	Môi đơn/Primer nồng độ 10μM (2 môi)	μL	01
92	4 môi đơn nồng độ 10μM	μL	01
93	Chất nội chuẩn có độ tinh khiết ≥ 99%	mL	01
94	Chất chuẩn đã biết sẵn hàm lượng	mg	01
95	Kit tách chiết ADN (từ mô)	Test	01
96	Thạch agarose	gr	01
97	2 môi đơn nồng độ 1,25 μM	μL	01
98	Môi đại diện cho giống (2 môi) 1,25 μM	μL	01
99	Môi đại diện cho giống (8 môi) 1,25 μM	μL	01
100	Môi PLF (25 mM)	μL	01
101	Môi HUF (1,5 mM)	μL	01
102	Môi FAR 15 mM	μL	01
103	Môi VIR 2,5 mM	μL	01
104	Môi MAR 3,12 mM	μL	01
105	Môi OVR 6,25 mM	μL	01
106	Viên dung dịch đệm (pH buffer 7,2)	Viên	01
107	Giem sa gốc	Lít	01
108	Gôm dán Balsam Canada Art 1620	Lít	01
109	Bôm canada	mL	01
110	Na ₂ HPO ₄ .2H ₂ O	g	01
111	NaH ₂ PO ₄ .H ₂ O	g	01
112	NaCl	g	01
113	Evan Blue bột	mg	01
114	Nước cất 1 lần	mL	01
115	Cộng hợp (conjugate)	μL	01
116	Dầu soi KHV thường	mL	01
117	Dầu soi KHV huỳnh quang	mL	01
118	Antigen N peptides: 1mg/ống	mg	01
119	Hepes	g	01
120	Hypoxathine	g	01
121	Thuốc Chloroquine	mg	01
122	Permethrin 2.5gr (Permethrin 50EC (chai 1l))	ml	01
123	Hydramethroxam 0.03gr (Bả diệt gián zentech (Tuýp 35g))	g	01
124	Imidacloprid 0.00018gr(MantraTC 3.5SC (chai 500ml))ml	ml	01
125	Hydramethylnon (2% w/w trong Zentek)	Gram	01
126	Viên dung dịch đệm (pH buffer 7,2)	Viên	01

127	Dầu soi	Lít	01
128	Cypermethrin (Cyper Killer - gói 30gram)	Gram/m ² sàn	01
129	Imidacloprid và Beta-cyfluthrin (Temprid SC - chai 400ml)	Lít/m ² sàn	01
130	Cloramin B 25% (Cloramin B 25% - Tiệp, Gói 20g)	Gram/m ² sàn	01
II	Dụng cụ, vật tư		01
1	Micro pipet 1000 μ L	Cái	01
2	Micropipet 200 μ L	Cái	01
3	Micropipet 50 μ L	Cái	01
4	Micropipet 20 μ L	Cái	01
5	Micropipet 10 μ L	Cái	01
6	Micropipet đơn kênh 0,5-10 μ L	Cái	01
7	Micropipet đơn kênh 20-200 μ L	Cái	01
8	Micropipet đơn kênh 100-1000 μ L	Cái	01
9	Micropipet đa kênh từ 5-50 μ L	Cái	01
10	Micropipet đa kênh 30-300 μ L	Cái	01
11	Micropipet dung tích 1 mL	Cái	01
12	Micropipet dung tích 5 mL	Cái	01
13	Pipette điện tử đa kênh	Cái	01
14	Micropipet 100 μ L	Cái	01
15	Quần áo bảo hộ y tế phòng dịch (áo bảo hộ, quần bảo hộ, bao bọc giày, bao tóc, khẩu trang, kính, găng tay)	Bộ	01
16	Bình định mức 1000 mL	Cái	01
17	Chai thủy tinh 1000 mL	Cái	01
18	Lọ thủy tinh trung tính 1000 mL	Cái	01
19	Giá 96 lỗ đựng tuýp nhựa ly tâm có nắp 1,5-2 mL	Cái	01
20	Cốc mở 2000 mL	Cái	01
21	Dụng cụ pha dung dịch đệm	Bộ	01
22	Bộ dụng cụ nhuộm Giemsa	Bộ	01
23	Pipet nhựa 5 mL	mL	01
24	Pipet nhựa 10 mL	mL	01
25	Giấy thấm mẫu 3	Tám	01
26	Phiến nhựa 96 giếng	Cái	01
27	Cóng rửa lam	Cái	01
28	Bình thủy tinh trung tính 500 mL	Cái	01
29	Đồng hồ hẹn giờ	Cái	01
30	Ôn âm kế	Cái	01
31	Máy phun ẩm	Cái	01
32	Máy hút ẩm	Cái	01
33	Bình phun nén khí	Bình	01
34	Lò vi sóng	Cái	01
35	Cân điện tử	Cái	01
36	Kìm cắt mẫu	Cái	01
37	Cân điện tử (d=0,01; min = 0,1mg; max=220g)	Cái	01

38	Bình phun khử khuẩn	Cái	01
39	Thỏ trọng lượng từ 2kg	Con	01
40	Thức ăn thỏ	Gam	01
41	Máy cất nước 2 lần	Cái	01
42	Máy đo ánh sáng cầm tay	cái	01
43	Máy đo độ mặn cầm tay	cái	01
44	Máy hút muối	cái	01
45	Bộ thử nhạy cảm hóa chất diệt côn trùng (trong ống)	cái	01
46	Bộ lọc Flukefinder	Bộ	01

